

# CHƯƠNG V

## CHỮ MỆNH TRONG TRUYỆN KIỀU TÂM ĐẠO

### 1. LUẬN ĐỀ CỦA TRUYỆN KIỀU:

#### **ĐỊNH MỆNH VÀ TU TÂM HAY SIÊU VIỆT BIỆN CHỨNG?**

##### **1.1. Định Mệnh**

Truyện Kiều không phải chỉ là một câu chuyện của một người thiếu nữ *tài hoa* Thúy Kiều, song là một tích sự (epic), hay nói theo kiểu ngôn ngữ của hậu hiện đại, một tích truyện (narrative) về định mệnh của con người. Thế nên, chúng ta không lấy làm lạ khi Nguyễn Du chọn *Đoạn Trường* của Thanh Tâm Tài Nhân, soạn lại với tựa đề *Đoạn Trường Tân Thanh*.<sup>1</sup> Sổ đoạn trường ghi chép và quy

---

<sup>1</sup> Nguyễn Du viết *Đoạn Trường Tân Thanh* phỏng theo *Phong Tình Lục* của Thanh Tâm Tài Nhân. Một số khảo cứu gia cho rằng nhân đề của *Phong Tình Lục* phải là *Kim Vân Kiều Truyện*. Cụ Phạm Quý Thích dựa vào lối nhìn này đặt tên lại cho Truyện Kiều là *Tân Kim Vân Kiều Truyện*. Chúng tôi dựa theo bản văn do Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiệu đính và chú giải (Hà Nội, 1952; Sài Gòn: Tân Việt, 1959). Ngoài ra cũng tham khảo các bản khác của Vân Hạc Văn Hòe (Sài Gòn, 1975), và bản dịch Pháp ngữ của Nguyễn Văn Vĩnh (Sài Gòn, 1970). Bản của Nguyễn Văn Vĩnh, tiếc thay có khá nhiều sai lầm về sử và

định số phận con người. Số đoạn trường không phải chỉ là một biểu tượng, và tích truyện của nàng Kiều không phải là dụ ngôn. Theo Nguyễn Du, tích truyện của Thúy Kiều là một sự lặp lại của chính định mệnh. Đó chính là một quy định, một quy định thật sự, từng ghi chép minh bạch trong một cái sổ gọi là đoạn trường bởi ông Trời, mà con người chúng ta, dù tài hoa tới đâu cũng không thể thay đổi. Thúy Kiều chỉ lặp lại Đạm Tiên, giống hệt như Đạm Tiên chỉ là một tích sự tiêu biểu cho tất cả môi số mệnh của những kỳ nữ tương tự. Nói theo ngôn ngữ của triết gia Friedrich Nietzsche, định mệnh con người lặp đi lặp lại trong vòng luân hồi vĩnh cửu (ewige Wiederkehr des Gleichen).

### ***1.2. Bi Kịch của Thân Phận Con Người***

Thế nên, trong tích truyện, tính chất bi đát (tragic) cũng như phi lý (absurd) của con người được Nguyễn Du diễn đạt trong sự mâu thuẫn, hay trong biện chứng đối lập giữa tài và mệnh:

“Chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét nhau,”<sup>2</sup>

hay:

ngữ học, trong khi bản của Vân Hạc Văn Hòe lại quá luộm thuộm và giải thích một cách rất chủ quan. Về thư mục liên quan tới *Truyện Kiều*, cũng như các bản văn ngoại ngữ, xin tham khảo: Vũ Đình Trác, *Triết Lý Nhân Bản Nguyễn Du* (Orange: Hội Hữu, 1993), tr. 499-515. Đây là một tập sách nghiên cứu súc tích về Nguyễn Du, với một thư mục tương đối đầy đủ, rất có lợi cho các nhà nghiên cứu *Truyện Kiều*.

<sup>2</sup> TK, 2 (tất của *Truyện Kiều*, câu 2).

“Chữ Tài liền với chữ Tai một vần.”<sup>3</sup>

Ý chí con người, ước vọng tự nhiên của chúng sinh như tình ái (Kim Trọng, Thúc Sinh), cũng như tài hoa (Thúy Kiều), và quyền lực (Từ Hải) vẫn không thể thắng định mệnh: mưu sự tại nhân song thành sự tại thiên.<sup>4</sup> Sự bất lực của con người được diễn đạt bởi niềm tin vào định mệnh là một sự bi đát vượt khỏi những bi thương thường nhật. Tính chất bất tự do của thân phận làm người là một bi đát vượt xa cái bi thảm ‘thường tình’ của con người như: sinh, lão, bệnh, tử, tức cái nghiệp mà đức Thích-Ca khám phá trước khi giác ngộ đạo. Thật vậy cái nghiệp mà cụ Nguyễn diễn tả là một định mệnh bi đát, vượt khỏi luật nhân quả thường tình của ác giả ác báo, tức định luật mà Phật giáo xác tín như trồng dưa đọt dưa, trồng đậu đọt đậu. Do đó, đối với cụ, sự việc chấp nhận định mệnh giống như hành động chấp nhận một điều phi lý mà con người không thể hiểu. Sự chấp nhận định mệnh không theo luận lý của nhân quả, song theo cái đạo của mệnh, tức phi lý. Chính vì sự phi lý của mệnh mà Nguyễn Du, giống như Nietzsche, biểu tả tâm tư của ông một cách vừa phẫn uất vừa nhẫn nhục (ressentiment) qua miệng Kiều:

---

<sup>3</sup> TK, 3248.

<sup>4</sup> Các câu tục ngữ, ca dao trong bài này được trích từ On Như Nguyễn Văn Ngọc, *Tục Ngữ Phong Dao Việt Nam* (Sài Gòn, 1991). Phần thành ngữ trích từ *Việt Nam Từ Điển* (Sài Gòn, 1970), do Lê Văn Đức và Lê Ngọc Trụ biên.

“Đã mang lấy nghiệp vào thân,”<sup>5</sup>

hoặc:

“Làm thân trâu ngựa đền nghì trúc mai.”<sup>6</sup>

Nhưng khác với ông tổ hiện sinh vô thần, cụ Nguyễn Du không gào thét đòi giết Thượng Đế,<sup>7</sup> cụ cũng không giống Cao Bá Quát mạt sát kiếp người:

“Ba hồi trống giục đù cha kiếp

Một lát gươm rơi đéo mẹ đời.”<sup>8</sup>

Cụ nhẫn nhục an phận theo mệnh:

“Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.”<sup>9</sup>

Chính vì vậy, nàng Kiều của Nguyễn Du đã khám phá ra bí mật của cái mệnh, đó chính là thân phận làm người, đó chính là định mệnh. Định mệnh này vượt khỏi cái nghiệp (Karma) của Phật giáo. Nói cách khác, đó chính là một cái nghiệp mà con người có thể thắng vượt. Cái nghiệp mà cụ Nguyễn nói đến chính là định mệnh: “Đã mang lấy nghiệp vào thân,”<sup>10</sup> tức chính hữu thể tự thân của mình.

### ***1.3. Đông Tính và Dị Tính trong Định Mệnh và Mệnh***

<sup>5</sup> TK, 3249.

<sup>6</sup> TK, 708.

<sup>7</sup> Friedrich Nietzsche, “Gott ist tot!,” trong *Die Fröhliche Wissenschaft* (1881-1882), trích từ *Nietzsche Werke*, Bộ 5, Tập 2, (Berlin: Walter de Gruyter, 1973), tr. 125, phần về “Der tolle Mensch” (Thằng Điên).

<sup>8</sup> Thơ của Cao Bá Quát.

<sup>9</sup> TK, 3250.

<sup>10</sup> TK, 3249.

Thoạt nhìn, Nguyễn Du mô tả truyện nàng Kiều như là một tích truyện, lập lại định mệnh của Đạm Tiên. Mà ngay cả Đạm Tiên, theo cụ, cũng chỉ là một câu chuyện mẫu mực (proto-type) cho những tích truyện tương tự về định mệnh:

“Vâng trình hỏi chữ xem tường,  
Mà xem trong sổ đoạn trường có tên.  
Âu đành quả kiếp nhân duyên,  
Cũng người một hội, một thuyền đâu xa!”<sup>11</sup>

Nhưng nếu Kiều chỉ là một sự lập lại của Đạm Tiên, cũng giống như Đạm Tiên chỉ là một sự lập lại của những kiều nữ tài hoa khác như Tây Thi, Điêu Thuyền, Trần Nguyên Nguyên vân vân, thì nàng Kiều trong Nguyễn Du đâu có khác chi những quốc sắc giai nhân khác. Thực ra, Đạm Tiên không phải Thúy Kiều, cũng như Tây Thi không phải là Điêu Thuyền. Tương tự, Phạm Lãi không giống Từ Hải, mà Từ Hải cũng chẳng giống chi Hạng Võ. Cái chết anh hùng của một Trần Bình Trọng càng khác xa cái chết ngu xuẩn của Từ Hải, một người hữu dũng song đại gái, thiếu tri, thiếu nhân và vô mưu. Một cái chết anh hùng song hữu dũng vô mưu của Hạng Võ cũng khác hẳn với cái chết khôn ngoan nhưng lãng nhạ của Phạm Lãi mà sự khôn ngoan của Phạm Lãi càng không bì được với những cái chết anh hùng của Socrates hay của đức Ki-Tô.

Nếu Kiều không chỉ là một sự lập lại chính định mệnh của mình, vậy thì Kiều chỉ là một sự tái hiện dưới những

---

<sup>11</sup> TK, 199-202.

hình thức khác nhau, tức theo luật luân hồi (Karma) mà cụ Nguyễn dùng danh từ Phật học gọi là cái nghiệp. Hoặc suy tư theo Arthur Schopenhauer, triết gia đại biểu của thuyết bi quan, thì tất cả những tích truyện của Kiều hay Đạm Tiên, thực ra chỉ là những biểu tượng (Vorstellungen) của chính cái mệnh mà thôi.<sup>12</sup>

Song nhận định như vậy tức là đã chối bỏ tính chất cá biệt của nàng Kiều. Thực ra, định mệnh mà cụ Nguyễn Du muốn nói, không chỉ là một biểu hiện, hay cái nghiệp, của những người như Kiều hay Đạm Tiên. Cái mệnh mà Tố Như tiên sinh muốn diễn đạt chính là định mệnh, hay thân phận làm người.<sup>13</sup> Thế nên, “đã mang lấy nghiệp vào thân”<sup>14</sup> đồng nghĩa với “đã là con người, và như là con người.” Song, nói theo Martin Heidegger, “con người” chỉ nói nên đồng tính (Gemeinsamkeit) và nguyên tính (Ursprünglichkeit) của một giống, một loại, chứ không thể xác quyết sự đồng nhất (unity), nhất là một sự đồng nhất theo lượng tính của chúng ta. Nói cách khác, chúng ta cũng có một mệnh tức thân phận con người (đồng tính), song mệnh của chúng ta không đồng nhất (tài nữ Thúy Kiều không phải là kỳ nữ Đạm Tiên.)

---

<sup>12</sup> Arthur Schopenhauer, *Die Welt als Wille und Vorstellung* (1818), trong *Sämtliche Werke* (Wiesbaden, 1846-1950).

<sup>13</sup> Trần Trọng Kim - Bùi Kỷ, “Nguyễn Du tự là Tố Như,” trong *Truyện Kiều* (Đại Nam tái in, 1995), tr. 9.

<sup>14</sup> TK, 3249.

Nhận định như vậy, cái hữu thể của Kiều là một hữu thể tách biệt (distinct), và cá biệt (particular) không hoàn toàn lặp lại cái định mệnh của Đạm Tiên. Cái hữu thể có thể nói lên đồng tính, song phản đối đồng nhất, được cụ Nguyễn diễn đạt như định mệnh qua lời Đạm Tiên nói với Kiều:

“Chị sao phận mỏng đức dày,  
Kiếp xưa đã vậy lòng này để ai.”<sup>15</sup>

Đây là một nhãn quan về định mệnh hoàn toàn khác với lối nhìn thường tình của nàng Kiều khi chưa tự giác:

“Ma đưa lối, quỷ đưa đường,  
Lại tìm những chốn đoạn trường mà đi.  
Hết nạn nọ đến nạn kia,  
Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần.”<sup>16</sup>

Thực ra, định mệnh Kiều, tuy nằm trong số đoạn trường, vẫn không phải là định mệnh của Đạm Tiên như cô Kiều ngây thơ từng hiểu lầm: “Cùng người một hội một thuyền đầu xa.”<sup>17</sup> Định mệnh của Kiều nằm ngay trong tay nàng, tức nằm ngay trong chữ tâm của nàng, tức nằm ngay trong hữu thể tự thức của nàng. Một khi nàng khám phá ra rằng “chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài,”<sup>18</sup> và một khi nàng thực hiện chữ tâm đó: “Một niềm vì nước vì dân,”<sup>19</sup> hay “bán

<sup>15</sup> TK, 2715-2716.

<sup>16</sup> TK, 2665-2668

<sup>17</sup> TK, 202.

<sup>18</sup> TK, 3252.

<sup>19</sup> TK, 2719.

mình là hiếu, cứu người là nhân,”<sup>20</sup> thì chắc chắn là “tâm thành đã thấu đến trời,”<sup>21</sup> và “đoạn trường số rút tên ra.”<sup>22</sup> Đó chính là sự tự cứu rỗi qua quá trình biện chứng của lịch sử Kim Vân Kiều.

#### ***1.4. Dị Biệt và Quy Nguyên hay từ Cá Mệnh tới Định Mệnh***

Nếu Thúy Kiều không giống Đạm Tiên, nếu Đạm Tiên cũng chỉ là một người tài nữ không giống như những tài hoa khác, vậy thì khi nhận định Đạm Tiên như là một ‘kiểu mẫu’ của định mệnh, cụ Nguyễn hình như có phần mâu thuẫn. Thoạt nhìn, chúng ta có cảm tưởng như thế. Song khi đi sâu vào tâm tư của cụ, chúng ta khám phá ra một trụ điểm giải thích sự tương quan, nhưng không mâu thuẫn, giữa đồng tính và cá biệt tính. Điểm này được Heidegger gọi là nguồn, hay theo Nietzsche, đó là quy nguyên tính. Chính quy nguyên tính này nói lên thực tính (authenticity) của hữu thể, đồng lúc cũng làm cho hữu thể phát hiện qua cá biệt tính. Chính vì vậy mà hiện thể (hiện nghiệp) không đồng nhất với tiền nghiệp, và hậu nghiệp.<sup>23</sup>

---

<sup>20</sup> TK, 2718.

<sup>21</sup> TK, 2717.

<sup>22</sup> TK, 2721.

<sup>23</sup> Xin tham khảo Trần Văn Đoàn, “Nietzsche und das orientalische Denken,” trong Trần Văn Đoàn, Wolfgang Kubin và Marian Garlic, chủ biên, *Friedrich Nietzsche und Asiatische Philosophie* (Berlin: Walter de Gruyter, 2000).

Khác với Augustin, người từng nhận định quy nguyên tính tiềm ẩn trong chính Thượng Đế,<sup>24</sup> quy nguyên tính mà cụ Nguyễn nhấn mạnh chính là “thân phận con người,” hay chính là định mệnh. Đó chính là “Heimat” hay “Quê Hương,” “Ursprung” hay “Uyên Nguyên,” tức cội nguồn của hữu thể, nói theo danh từ của Heidegger.<sup>25</sup> *Vậy thì, định mệnh không phải là thiên mệnh, nhưng chính là thân phận con người.* Mà thân phận con người là thân phận của con người luôn hướng về toàn thể tính (Totality), hay khát vọng toàn thể tính, giống như Augustin từng diễn đạt “donec requiescat in Te” (cho tới khi tâm con yên nghỉ nơi Chúa).<sup>26</sup> Cùng lúc ta cũng nhận ra chính sự thiếu sót của con người. Nói cách khác, cái mệnh của con người chính là sự việc con người đương hướng về toàn thể tính và đương nỗ lực để đạt tới toàn thể tính, mà cụ Nguyễn gọi là chữ tâm, tức tam tài, tức toàn thể.<sup>27</sup>

---

<sup>24</sup> Saint Augustin, *De Civitate Dei*.

<sup>25</sup> Martin Heidegger, *Vom Wesen des Grundes* (Pfullingen: Neske, 1955).

<sup>26</sup> Saint Augustin, *Confessiones*, 1.1.

<sup>27</sup> Theo Chu Hi, tức Chu Hối Am (1130-1200), người từng tổng hợp các quan niệm triết học của anh em Trình Hạo tức Minh Đạo (1032-1085), Trình Di tức Y Xuyên (1033-1107) và Trương Hoàn Cừ tức Trương Tái (1020-1077), thì chữ tâm gồm bốn đặc tính: (1) tâm có nghĩa là tri giác, (2) tâm là một tổng hợp của lý và khí, (3) tâm nói lên thân thể, cũng như cội nguồn của tính và tình, và (4) tâm phát triển hành *nhân tâm* (theo tính và tình), và *đạo tâm* (khi thấu triệt cái lý của trời đất). Xin tham khảo Trần Trọng Kim, *Nho Giáo*, sđd., hạ tập, tr. 155 và

Sự nỗ lực này chỉ có thể thực hiện được nhờ vào chính động lực hoàn thành toàn thể tính, đó là tất cả những tài năng của con người. Khi kết luận *Truyện Kiều* với câu:

“Thiên căn ở tại lòng ta,

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.”<sup>28</sup>

Cụ Nguyễn muốn diễn đạt thiết yếu tính của toàn thể tính của con người. Chỉ có con người toàn diện, - một tính từ mà triết gia người Pháp, ông Jacques Maritain dùng để diễn đạt con người lý tưởng, - mới có thể tự định đoạt được chính lịch sử tính, tức định mệnh của mình.<sup>29</sup> Vậy thì chữ tâm (tức con người) chỉ có thể hiện thực qua chính sự xuất hiện của toàn thể tính trong lịch sử tính của mình, tức Tam tài.<sup>30</sup> Hoặc nói theo ngôn ngữ của Heidegger, cái hữu thể

tiếp theo, phần về Nhị Trình, tr. 145-151. Cũng xin tham khảo thêm: Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, *Đại Cương Triết Học Trung Quốc*, sđd., tập 1, tr. 153. Về ý nghĩa của tam tài, xin tham khảo Vũ Đình Trác, *Triết Lý Nhân Bản Nguyễn Du*, sđd., tr. 94-146. Chúng tôi sẽ bàn thêm về ý nghĩa của tam tài trong phần tới, nhất là trong các chú thích sau như chú thích số 68.

<sup>28</sup> TK, 3251-3252.

<sup>29</sup> Jacques Maritain, *Humanisme intégral* (Paris, 1936).

<sup>30</sup> Kim Định cho số 3 biểu tượng sự toàn vẹn, hay toàn thể tính. Xin xem: Kim Định, *Gốc Rễ Triết Việt* (An Việt, Houston, 1989). Vũ Đình Trác cũng chủ trương tương tự, khi tiên sinh giải thích nền triết học tam tài. Xin tham khảo: Vũ Đình Trác, “Triết Lý Truyền Thống Việt Tộc dọn đường cho Thần Học Việt Nam,” in *trong Gặp Gỡ và Thảo Luận về Thần Học Việt Nam* (Trung Tâm Nguyễn Trường Tộ, Định Hướng Tùng Thư, 1997), tr. 43-78, đặc biệt, tr. 50-53. Hoặc, Vũ Đình Trác, *Triết Lý Nhân Bản Nguyễn Du*, sđd., tr. 357-388.

chỉ có thể xuất hiện qua chính lịch sử tính (Geschichtlichkeit) của chính mình, tức sự diễn biến của *hiện thể* (Seiendes). Sự diễn biến này là tất cả quá trình của lịch sử, tức thân phận, tức nghiệp của con người. Mỗi thân phận hay mỗi cái tài chỉ là một *tại thể* (Dasein), mà *tại thể* này chỉ có thể tiến về toàn thể tính nếu nó nằm trong chính uyên nguyên của hữu thể. Chính vì vậy, câu truyện của nàng Kiều, theo triết học của Heidegger, chỉ là một hành động tự khai mở (αλητεια), tức chân tính (Wahrheit) của hữu thể mà thôi.<sup>31</sup>

### 1.5. Quy Nguyên Tính hay Thân Phận Con Người

Sự thất bại của Nguyễn Du, được phản ánh qua sự thất bại của nàng Kiều, tức là chỉ nhận ra được một phần của toàn thể tính. Nói cách khác, cụ Nguyễn chỉ nhận ra rằng, hiện sinh bị lệ thuộc vào thời gian và không gian (Dasein), và chính vì vậy mà không phát hiện ra toàn thể tính tức quy nguyên tính như cụ muốn trong phần kết luận.

Quy nguyên tính nói lên chân tính của con người, tức hữu thể tự thân. Hữu thể tự thân, có thể được diễn đạt như là con người tam tài, tức *homo sapiens*, *homo ludens* và *homo faber* mà tôi tạm dịch là trí nhân, hí nhân và công nhân, tức là con người trong toàn thể tính.

Cái toàn thể tính và quy nguyên tính này tuy chưa được cụ Nguyễn xác nhận, song vẫn ẩn hiện trong lối tư duy của

---

<sup>31</sup> Martin Heidegger, *Vom Wesen der Wahrheit*, sđd., tr. 2,3,6, 9, 11 và vân vân.

cụ. Chính vì vậy, mà chúng ta nhận thấy rất nhiều mâu thuẫn (contradiction) hay thiếu mạch lạc của luận lý (inconsistent) trong *Truyện Kiều*. Thực thế, ngay cả khi Tố Như tiên sinh đã từng khám phá sự liên quan giữa tâm và tài, và tài trong toàn thể tính: “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài,”<sup>32</sup> cụ vẫn quy chữ tâm về với chữ thiên: “Tâm thành đã thấu đến Trời.”<sup>33</sup> Có lẽ vì nhầm lẫn sứ mệnh với sứ mệnh, như chúng tôi sẽ bàn tới trong phần 3, mà Tố Như tiên sinh đã chưa giám đi đến một kết luận theo đúng lối tư duy siêu việt biện chứng của người Việt. Đây cũng là lý do giải thích tại sao cụ vẫn chưa hoàn toàn khám phá ra con người tam tài, tức con người của toàn thể tính.

Chính vì chưa hoàn toàn nhận thức ra toàn thể tính của con người, nên cụ họ Nguyễn đã giải thích chữ tài theo một phiên diện của con người du hí hay hí nhân. Đúng như thế, trong mạch văn của *Truyện Kiều*, cụ Tố Như hiểu chữ tài như là những đặc tính của hí nhân hay *homo ludens*. Thế nên, chúng ta không lấy làm lạ khi cụ than thở: “Có tài mà cậy chi tài,”<sup>34</sup> rồi cụ kết luận (quá vội vàng): “Chữ tài liền với chữ tai một vần.”<sup>35</sup> Thực vậy, tất cả những nhân vật của *Truyện Kiều*, từ Kim Trọng tới Mã Giám Sinh, từ Sở Khanh tới Thúc Sinh, từ Từ Hải tới Hồ Tôn Hiến, chỉ là những con người du hí hoặc “khách làng chơi,” tức những

---

<sup>32</sup> TK, 3252.

<sup>33</sup> TK, 2717.

<sup>34</sup> TK, 3247.

<sup>35</sup> TK, 3248.

con người chỉ nhận ra hiện thể của cảm tính (của nhục dục, của cảm quan) mà chưa khám phá ra toàn thể tính, tức tam tài.

Chúng ta phải đặt hết hy vọng vào nàng Kiều, một kỳ nữ mà “sắc đành đòi một, tài đành họa hai,”<sup>36</sup> mà “thông minh vốn sẵn tính trời,”<sup>37</sup> mà “hiếu trọng tình thâm,”<sup>38</sup> và “cứu người là nhân,”<sup>39</sup> một người có lòng ái quốc cao độ với “một niềm vì nước vì dân,”<sup>40</sup> và một người mà cụ Trần Trọng Kim hết lòng ca ngợi: “Huống chi xem *Truyện Kiều*, ta lại có lòng kính trọng một người đàn bà yếu đuối biết lấy cái tấm trinh bạch tự mãn mà chống chọi với bao nhiêu những sự độc ác dơ bẩn nó cứ cố làm cho mình chìm đắm đi.”<sup>41</sup> Thực vậy, Kiều đem lại hy vọng khi nàng phát hiện chữ tâm, hoàn thành chữ tâm. Đó là sự việc Kiều nhận ra con người toàn thể Tam tài, trí nhân, hí nhân và công nhân.

Song hy vọng của chúng ta chưa hoàn toàn được thỏa mãn. Bởi vì, ngay khi đã “giác ngộ,” Kiều vẫn chưa nhận ra quy nguyên tính tiềm ẩn trong chính toàn thể tính của mình. Cô nàng tuy nhận ra rằng “thiện căn ở tại lòng ta” và rằng “chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài,” song rồi tác giả

<sup>36</sup> TK, 28.

<sup>37</sup> TK, 29.

<sup>38</sup> TK, 609.

<sup>39</sup> TK, 2718b.

<sup>40</sup> TK, 2719.

<sup>41</sup> Trần Trọng Kim, “Lý Thuyết Phật Học” trong *Truyện Kiều*, sđd., tr. 43.

của cô lại vẫn ngựa quen đường cũ trở về với con người hí nhân, khi kết luận:

“Lời què chấp nhật đông dài,

Mua vui cũng được một vài trống canh.”<sup>42</sup>

Một kết luận như thế chứng tỏ rằng cụ Nguyễn Du vẫn chưa nhận ra toàn thể tính của hữu thể. Hoặc là nàng Kiều của cụ cũng như cụ, hoặc là chính cụ phản bội nàng Kiều thân yêu của cụ. Kết luận như vậy xác định con người du hí vẫn là con người chính đại diện cho hữu thể.

Song hí nhân chỉ là một tài trong tam tài, một tại thể (Dasein) của hữu thể toàn diện mà thôi. Cái bi hài kịch của nàng Kiều, nhất là trong phần đầu của tích truyện, được thấy trong sự bất tri hay vô thức về toàn thể tính, tức tam tài, tức chữ tâm của mình. Trong giai đoạn này, nàng bị quáng mắt bởi tài sắc và tài hoa của mình, và chính vì vậy mà quên đi tài trí, tài năng và tài đức.

Chính sự “thọt chân”<sup>43</sup> mà con người của Kiều phải què quặt chấp chĩnh với định mệnh, đi một chân, cái chân của kỳ nữ hí nhân: “phong lưu rất mực hồng quần.”<sup>44</sup> Chính vì nàng Kiều đồng nghĩa hí nhân với con người toàn thể, định mệnh với thiên mệnh, mà cô đã đánh mất cái hữu thể tự

<sup>42</sup> TK, 3253-3254.

<sup>43</sup> Danh từ của Kim Định dùng để phê bình sự biến đổi của Nho giáo sa vào hố hình thức. Xin xem Kim Định, *Cửa Không*, sđd.; tái bản với chú thích và hiệu đính của Vương Kỳ Sơn (New Orleans: Trung Tâm Văn Hóa Việt Nam, 1997), phần 1.

<sup>44</sup> TK, 35.

tại của mình. Nói theo Heidegger, một khi chúng ta đồng nghĩa hiện thể với hữu thể, thì chúng ta cũng đương lâm lẫn lịch sử của con người, coi lịch sử như là một thư tịch, văn khố, hay những ghi chép của quá khứ. Khi đó chúng ta vẫn chưa phát hiện tính chất sống động của văn bản (text); chúng ta vẫn chưa thấu triệt được lịch sử tính, tức sử mệnh (Geschichtlichkeit als Geschik, historicity as destiny).<sup>45</sup>

### **1.6. Thiên Mệnh, Định Mệnh hay Nhân Mệnh**

“Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.”<sup>46</sup>

Cái chết lãnh nhách của Từ Hải,<sup>47</sup> sự đau khổ ngu dại của Thúc Sinh,<sup>48</sup> sự thống khổ của Kim Trọng,<sup>49</sup> và ngay cả cái bi thảm của gia đình họ Vương,<sup>50</sup> tất cả đều là những bi hài kịch của những con người hí nhân - những người từng: “chơi cho liễu chán, hoa chê; cho lăn lóc đá, cho mê mẩn đời;” những người thiếu tự chủ, bị chính những hí nhân khác (Tú bà, Sở Khanh, Mã Giám Sinh) tạo ra. Thế nên, khi họ cho rằng, nếu không có Tú bà, nếu không có Mã Giám Sinh, nếu không có Sở Khanh, nếu không có giới

---

<sup>45</sup> Martin Heidegger, *Sein und Zeit* (1927), phần 2; cũng như Marin Heidegger, *Nietzsche*, tập 2 (1961), luận đề siêu hình học trong phần kết.

<sup>46</sup> TK, 3250.

<sup>47</sup> Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn.

<sup>48</sup> Giọt dài, giọt ngắn, chén đầy, chén vơi.

<sup>49</sup> Đau đòi đoạn, ngất đòi thôi. Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.

<sup>50</sup> Cực trăm ngàn nỗi.

quan lại tham nhũng, nếu không có mục Bạc, vân vân, thì chắc sẽ không thể xảy ra thảm kịch của Kim Vân Kiều, thì đó chỉ là một ảo tưởng ngây ngô mà thôi. Bởi vì, nếu không có “một giầy vô lại,” thì cũng có bọn “đầu trâu mặt ngựa;” bởi vì không có Tú bà thì cũng có mục Bạc, mà tất cả chỉ là:

“Nào ngờ cũng tổ bợm gia,  
Bạc bà học với Tú bà đồng môn.”<sup>51</sup>

Vậy nên nói cho cùng, thiên mệnh cũng chính là nhân mệnh, bởi vì chính con người tạo lên những định mệnh như thế. Cho rằng nếu có thiên mệnh, một điều mà nền triết học đông phương tin tưởng,<sup>52</sup> thì ngay thiên mệnh cũng chưa phải là định mệnh. Cái định mệnh mà chúng ta nhầm lẫn cho là thiên mệnh:

“Thương thay, cũng một kiếp người,  
Hại thay, mang lấy sắc tài làm chi!”<sup>53</sup>

Thực sự chỉ là *nhân mệnh*, mà chúng ta thiếu tự thức, mà chúng ta không thể tự chủ mà thôi. Chỉ có con người, chứ không phải lão thiên, mới hành hạ con người như lang như sói (*homo homini lupus*). Hoạn Thư hành hạ nàng Kiều cũng không khác gì chính nàng Kiều báo thù bọn Ứng, Khuyển, Tú bà, Mã Giám Sinh:

“Máu rơi thịt nát tan tành

---

<sup>51</sup> TK, 2087-2088.

<sup>52</sup> Thí dụ Khổng Tử xác nhận: ngũ thập tri thiên mệnh.

<sup>53</sup> TK, 2639-2640.

Ai ai trông thấy hồn kinh phách rời.”<sup>54</sup>

Xem như thế thì định mệnh con người chính là thảm kịch của con người (*tragedia humana*).<sup>55</sup> Đó là một thảm kịch phát sinh do con người, và từ chính con người. Đó là một bi kịch đầu thai trong ý trí về quyền lực (*Wille zur Macht*) như Nietzsche xác quyết. Đó cũng là sự bất lực không thể thỏa mãn sự đòi hỏi vô biên của cảm tính. Và đó cũng là bi hài kịch về sự việc con người tìm cách khống chế con người, về sự kiện con người chối bỏ cái nghiệp, rồi đổ tội cho Trời. Nói tóm lại, cái nhân mệnh này bi đát, thảm thương hơn thiên mệnh nhiều. Cơn giãy giụa của Nguyễn Du, diễn tả trong sự giãy chết của nàng Kiều, giống hệt như những khắc khoải, vật lộn với nhân mệnh của những triết gia José Y Ortega, Albert Camus, Jean-Paul Sartre, vân vân. Niềm khắc khoải của con người không thể được giải quyết thỏa đáng bằng ngay cả sự chết. Sông Tiền Đường<sup>56</sup> không phải

---

<sup>54</sup> TK, 2389-2390.

<sup>55</sup> Danh từ triết học của José Y Ortega, một triết gia hiện sinh Tây Ban Nha vào thế kỷ 20.

<sup>56</sup> Theo mạch văn của *Truyện Kiều*, Tiền Đường là tên một con sông (TK, 2620), lại có thủy triều (TK, 2619), chảy qua Hàng Châu (phía nam Thượng Hải), tỉnh Triết Giang. Chú giải của Trần Trọng Kim, tr. xlv. Năm 1998, dịp thuyết trình tại Viện Triết Học của Viện Khoa Học Xã Hội Thượng Hải, chúng tôi có dịp ghé xuống Hàng Châu, ngoạn du trên sông Tiền Đường. Tại cửa biển, Tiền Đường lớn hơn sông Hoàng Phố của Thượng Hải. Sông đổ ra biển vào vịnh Ngọc Hán Hương Châu. Điểm đáng nói, đó là khi Nguyễn Du chọn tên Tiền Đường, có lẽ cụ có một ẩn ý diễn tả một giai đoạn sửa soạn. Tiền đường (chữ

là giải đáp tối hậu cho bi kịch của cuộc đời, mà thực ra chỉ là sự dọn đường để đạt tới một con người toàn vẹn, tức *nhân tài* chứ không phải *tài nhân* theo đúng nghĩa của nó.<sup>57</sup>

---

Hán) phát âm sang Hán Việt giống như con đường đi trước. Thế nên, nếu không chỉ rõ tên con sông, tiền đường có thể hiểu như giai đoạn tu luyện, thử thách. Qua giai đoạn này, Kiều mới thấu hiểu ý nghĩa của tài nhân, và nhận thức được chính mình. Đây là một quan niệm của Phật giáo. Chú ý là Nguyễn Du cũng như các văn sỹ Việt, tuy dùng Hán văn, song không hiểu nghĩa như người Tàu. Xin xem thêm Vũ Văn Khánh *Tự Điển Chữ Nôm*, (Đà Nẵng: Nxb Đà Nẵng, 1996); cũng như Trần Văn Kiệm, *Tự Điển Hán Nôm* (Garden Grove: Thời Điểm, 1998). Tương tự, các văn sỹ Nhật tuy dùng Hán tự (Kanji) song không hiểu như người Tàu. Bộ chữ Hiragana hay Katakana cũng chỉ là biến dạng, hay giản thể của Kanji.

<sup>57</sup> Chúng tôi vẫn còn thắc mắc về nguyên do tại sao Tố Như tiên sinh chọn *Đoạn Trường* của Thanh Tâm Tài Nhân, mà không phải các tác phẩm khác có giá trị hơn, thí dụ như *Hồng Lâu Mộng*. Việc giải thích có tính cách chính trị như Hoài Lê, yếm Tây Sơn, kỳ Nguyễn (theo Tản Đà, Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim, Đào Duy Anh), hay vì “giai cấp đấu tranh” (theo Hoài Thanh, Lê Thuộc, Trương Chính), (trích từ Vũ Đình Trác, tr. 44-45), chắc hẳn không lột hết tâm trạng của cụ. Cụ Hán Chương có lý hơn khi quy nguyên do cho hai yếu tố tài và tình (Vũ Đình Trác, sđd., tr. 45). Chúng tôi đi xa hơn, giải thích sự việc chọn tác phẩm của Tài Nhân mang một ý nghĩa triết học: Nguyễn tiên sinh có lẽ muốn biện minh cho quan niệm *nhân tài* chứ không phải *tài nhân*: “Xưa nay nhân định thắng Thiên cũng nhiều.” Nhân định là đặc tính của nhân tài, trong khi thiên định là đặc tính của thiên tài. *Tài nhân* là những người có tài do thiên phú. Thế nên Thúy Kiều là một tài nhân với những đặc tính bẩm sinh (mỹ lệ, giỏi nghệ thuật, giọng hát hay). Chỉ khi nàng biết tu tâm, tích đức, hiếu cha mẹ, yêu quốc gia, thương đồng loại... Kiều mới biến đổi thành một *nhân tài*. Đây là một lý do

### 1.7. Quy Nguyên Tính và Việt Tính

Chính vì vậy mà trọng tâm của *Truyện Kiều* phải là câu hỏi: “Làm thế nào ta có thể thắng vượt định mệnh?” chứ không phải là câu hỏi “Tại sao ta phải thoát ly khỏi định mệnh?” Đây là câu hỏi mà Nguyễn Du, và nhất là những con người thường tình như chúng ta, từ Từ Hải tới Mã Giám Sinh, từ Kim Trọng tới vãi Giác Duyên, đều đeo đuổi. Đây cũng là câu hỏi của Việt triết, một câu hỏi khác với câu hỏi: “Tại sao ta phải thoát ly định mệnh?” của Phật giáo và Đạo giáo.

Những câu hỏi tương tự, mà Nietzsche cũng như của Heidegger từng lập đi lập lại một cách “chán chường,” không chỉ phê bình tất cả lịch sử suy tư của tây phương đương tìm cách thoát ly định mệnh, tức hữu thể uyên nguyên mà còn xác nhận định mệnh con người như chính là lịch sử tính của hữu thể.<sup>58</sup> Họ nhận định rằng, ngay cả niết bàn (Nirvana) cũng không thể giải thoát con người khỏi định mệnh. Lý do như Nietzsche từng hỏi, tại sao chúng ta

---

tại sao Nguyễn Du vẫn giữ lại tên truyện, song thêm vào hai chữ *Tân Thanh* thành *Đoạn Trường Tân Thanh*. Tân thanh tức, tiếng nói mới, ý nghĩa mới. Ý nghĩa mới không thể do lập lại, viết lại, song do sự việc Nguyễn Du đảo lộn giá trị cũ của *Đoạn Trường*. Tương tự, nếu tác giả của *Đoạn Trường* là *Tài Nhân*, thì tác giả của *Đoạn Trường Tân Thanh* phải là *Nhân Tài*.

<sup>58</sup> Friedrich Nietzsche, *Also sprach Zarathustra* (1883-1885), trong *Nietzsche Werke*, phần 6, tập 1 (1968), cũng như Martin Heidegger, *Sein und Zeit*, sdd..

phải thoát khỏi định mệnh. Và cả hai triết gia (Heidegger và Nietzsche) cùng đi đến một kết luận bi đát là, tất cả những cố gắng của lịch sử triết học tìm cách thoát khỏi, vượt khỏi định mệnh, đều chỉ đưa chúng ta đến một định mệnh khác, bi thảm hơn. Đó chính là hư vô.<sup>59</sup>

Thoạt nhìn, hình như Nguyễn Du tiên sinh tin như thế, nghĩ như thế và bất cô Kiều mỹ lệ của mình cũng phải chịu đựng như thế. Nhưng, cho đến đoạn kết, cụ Nguyễn bỗng nhiên phát hiện *tâm đạo*, tức cái đạo tu tâm. Song tu tâm không hoàn toàn theo nghĩa của nhà Nho, ít nhất của Hán nho. Không hoàn toàn theo Lục Tượng Sơn<sup>60</sup> và nhất là Vương Dương Minh,<sup>61</sup> Nguyễn Du coi tâm không chỉ là cái lý, mà còn là nhân quả; không phải chỉ là tính, mà còn là cội nguồn của tính; không chỉ là đạo tâm mà còn bao gồm cả nhân tâm. Nói cách khác, chữ mệnh hay cái lý của vũ trụ, cũng như cái lý của con người nằm ngay trong chữ tâm.

---

<sup>59</sup> Martin Heidegger, *Der europäische Nihilismus* (Pfullingen: Neske, 1957), và *Nietzsche*, tập 2.

<sup>60</sup> Lục Tượng Sơn (1139-1193), một nho gia bị ảnh hưởng của Phật học đời Đông Nguyên. Ngược lại với Chu Hy coi khí như một nguyên lý, Tượng Sơn cho rằng, tâm, tính và tình chỉ là một; và vũ trụ chính là tâm của con người. Ngược lại, con người cũng chính là tâm của vũ trụ. Xin tham khảo, *Lục Tượng Sơn Toàn Tập*, tập 2 (Đài Bắc, 1956).

<sup>61</sup> Vương Dương Minh (1472-1529), đời nhà Minh, một trong những người phát triển nho học về khía cạnh lý học. Theo phái Tân Nho của họ Vương, tâm là tri giác, và cũng là cội nguồn của thân. Xin xem phần phụ lục của bộ *Vương Văn Thanh Công Toàn Thư* (Toàn bộ tác phẩm của Vương Dương Minh) (Đài Bắc, 1967).

Hiểu theo nghĩa này, tu tâm không có nghĩa là sửa tâm,<sup>62</sup> nhưng khám phá ra cái lý của đạo nằm ngay trong tâm của con người, tức *tâm đạo*.

Chính vì thế, ta thấy Nguyễn Du không yếm thế. Khi mà nàng Kiều gieo mình xuống lòng sông Tiền Đường; khi mà Kiều chấp nhận tự tử như là định mệnh, Kiều đã chưa thấm nhuần cái đạo lý của tu tâm. Thực sự, Kiều chỉ trốn tránh định mệnh, tức từ chối chính thân phận con người mà thôi. Một lối giải quyết vấn nạn như vậy hoàn toàn theo luận lý của chủ thuyết hư vô. Nói theo Heidegger, cụ Nguyễn, khi nhận ra được chữ tâm, cùng lúc đã tìm ra một lối giải thoát vượt khỏi chủ nghĩa hư vô (nihilism), khỏi cái phi lý (absurd) mà Albert Camus từng chịu thua một cách chua xót.<sup>63</sup> *Truyện Kiều không chấm dứt nơi đây*. Nếu trốn tránh định mệnh tức là làm theo định mệnh, như Kiều ngây thơ hiểu, thì cũng chỉ là *tao mệnh* theo nho giáo mà thôi. Thế nên, *Truyện Kiều* không chỉ diễn đạt sự bi đát của định mệnh hoặc thụ động chấp nhận định mệnh. Tuy không trách trời mạt đất, song Nguyễn Du cũng không hoàn toàn vâng theo định mệnh: “xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều.” Chính vì vậy, cái bi đát mà Nguyễn Du mô tả, không phải là cái bi đát có tính cách thảm kịch của Sisyphe, hay Oedipus. Cái bi đát của Kiều gần giống bi thương kịch của Odysseus, người anh hùng Hy Lạp đã vượt

---

<sup>62</sup> Như thấy trong *Đại Học*, Tu tâm theo nghĩa tu thân.

<sup>63</sup> Trong tập tiểu thuyết *Le Mythe de Sisyphe*, sđd.

khỏi định mệnh (μοιρα) để làm chủ định mệnh.<sup>64</sup> Cái bi kịch của đoạn trường - biến thành hỷ kịch của *Đoạn Trường Tân Thanh*. Nói cách khác, Kiều của Nguyễn Du, giống như Faust của Johann Wolfgang Goethe, đã tổng hợp được hai đặc tính bi hùng mà đại nhạc sĩ Richard Wagner phải hì hục suốt cả đời mới có thể biến đổi *Hoàng Hôn của Thần Minh* (Götzendämmerung) thành *Parsifal*, cũng như siêu thoát mà Nietzsche gọi là Ý lực (Wille zur Macht).<sup>65</sup> Thoạt nhìn, kiệt tác *Đoạn Trường Tân Thanh* của cụ Nguyễn gần giống như *An Hồn Khúc Đức Văn* (ein Deutsches Requiem) của thiên tài Johannes Brahms. Trong tác phẩm bất hủ này, nhà nhạc sỹ tài hoa, thay vì cầu nguyện cho người qua đời, lại đi yên ủi người còn đang sống để họ chấp nhận định mệnh con người, một định mệnh của cây lá chầm chầm úa vàng và rơi xuống “trở về đất bụi” vào cuối thu.<sup>66</sup> Song nếu đi sâu thêm, ta thấy khác với *An Hồn Khúc*, kiệt tác *Truyện Kiều* của cụ Nguyễn đưa ra một định đề, số mệnh con người không giống như cây lá mùa thu, và nàng Kiều không giống như “Nàng Hồng sống

---

<sup>64</sup> Homer, *The Odyssey*, sdd.

<sup>65</sup> Chúng tôi đã từng phát triển quan niệm này trong tiểu luận “The Unfinished Project or the Broke Spirit of Philosophy” (Ateneo de Manila University, Manila, 2000). Bản Hoa ngữ trong *Triết Học Tạp Chí*, (Đài Bắc, 1999).

<sup>66</sup> Johannes Brahms (1833-1897), *Ein Deutsches Requiem* (1868). Lá thư thứ nhất của thánh Phêrô: 1. Petrus 1, 24-25.

cuộc sống của đoá hoa hồng.”<sup>67</sup> *Truyện Kiều* diễn tả một mầm sống mới, một cuộc phục sinh, một sự viên mãn. Nói tóm lại, *Truyện Kiều* đưa ra một định đề: siêu việt biện chứng từ định mệnh tới nhân mệnh.

Thế nên, *Truyện Kiều* cũng là một luận đề (essay) đưa ra một phương thế, hay một lý thuyết có tính chất thực hành, để giải quyết sự mâu thuẫn cũng như tính chất phi lý của định mệnh. Thay vì chấp nhận, thay vì chối bỏ, Nguyễn Du thăng hoá, hoặc nói theo danh từ của Việt triết, siêu việt định mệnh bằng cách tu tâm, bằng sự thực hành đạo nhân. Kiều bán mình chuộc cha, chịu đựng nỗi khổ cực, trung thành với Kim Trọng, thành tâm với những người yêu nàng (Thúc Sinh, Từ Hải, Giác Duyên), nhân hậu ngay cả với người từng làm hại mình (Hoạn Thư), và nhất là thông cảm với những người đồng vận mạng, làm trời cảm động: “tâm thành đã thấu đến trời.”<sup>68</sup>

Từ một khía cạnh khác, Thúy Kiều tìm ra giải thoát khi mà nàng nhận ra toàn thể tính của con người của nàng; khi nàng nhận ra nguyên tính của nàng; khi nàng chấp nhận tính chất siêu việt, chứ không đối nghịch, giữa cảm tính và lý tính, giữa đạo đức và thân phận con người:

---

<sup>67</sup> Thơ của một thi sĩ Pháp (Beaudelaire hay Lamartine?): “la rose qui vit la vie d’une rose.”

<sup>68</sup> Theo đúng nghĩa phải hiểu “tâm thành đã thấu tới Trời” theo mạch văn “khi đã hòa hợp với Trời,” tức “Thiên nhân hợp nhất,” và “Thiên nhân tương dữ.”

“Chữ Tâm kia mới bằng ba chữ Tài.”<sup>69</sup>

<sup>69</sup> Chúng tôi thiết nghĩ “ba chữ tài” mà Nguyễn Du cố ý dùng nơi đây mang nhiều ý nghĩa. Đa số các học giả nghiên cứu *Truyện Kiều* như hai cụ Bùi Kỷ và Trần Trọng Kim hiểu theo nghĩa của ngôn ngữ bình dân “chữ tâm quan trọng hơn cả chữ tài.” Nguyễn Văn Vĩnh dịch câu này sang Pháp ngữ như sau: “Le coeur à lui tout seul vaut trois fois plus que le talent.” Tương tự, Vân Hạc Văn Hòe viết: “Đây tác giả lại nói: Tâm đáng quý gấp ba tài.” Một lối hiểu bình dân như vậy tuy không sai, song không hẳn nói lên được tư tưởng Việt nho của cụ Nguyễn, và chắc hẳn không thể thấu triệt ý nghĩa sâu xa của câu thơ trên. Vân Hạc Văn Hòe thú nhận: “Như vậy tác giả muốn nói gì? Tác giả có một quan niệm lơ mơ khó hiểu về mệnh và vì thế, người ta thấy “Đoạn Trường Tân Thanh” hình như viết ra để chứng minh một tư tưởng triết học, tôn giáo, nhưng chứng minh chưa đúng xác, chưa khúc triết.”

Trước hết, nếu hiểu tâm chỉ là “le coeur,” hay “l'esprit,” hay “la conscience” như trên, sẽ dễ rơi vào cái hố duy tâm. Như chúng tôi phân tích, tâm nơi đây không có nghĩa là tim (coeur, heart), hay trí (l'esprit, mind), nhưng là một *hành động nối kết* và *siêu việt*. Thứ đến, các ông Vĩnh, Hoè, Hạc cũng chưa thấu hiểu lối diễn đạt của số *ba* trong Việt ngữ. Ba (chữ nôm) không có nghĩa là 3, song *rất nhiều*. Ba có lẽ đọc trại từ *bá* (mà bá có nghĩa rất nhiều). Thí dụ ba bè tám mối, ba hồi (trống dục...), ba hoa (chích chòe), ba chìm bảy nổi, ba đào, ba quân... Trong ngôn ngữ bình dân: ba (bá) láp, ba phải, ba lảng nhãng, ba que (xỏ lá). Từ bá, chúng ta thấy bá quân văn võ (giống như ba quân), bá âm, bá hộ, bá tính... Chính vì vậy chúng tôi giải thích *ba chữ tài* như *toàn diện tính* của con người bao gồm: (a) tài hoa, tài tình, tài lực, tài nghệ (tức những đặc tính của *tài nhân, tài tử, tài nữ* như Thúy Kiều, Kim Trọng, Từ Hải); (b) tài năng, tài trí, tài lược, tài đức, tài cán, tài giỏi, tài ba (tức những đức tính có được nhờ luyện tập, học tập thấy nơi các *nhân tài*; và © tài trí, tài nguyên thấy nơi *thiên tài* hay tự nhiên (Thông minh sẵn tại tính Trời). Toàn thể tính này nói lên *con người toàn diện* bao gồm (a) các đức tính của Trời cho (*Thiên tài, tài nhân, kỳ*

*nhân*), (b) các đức tính do chính con người nỗ lực luyện tập học hành (*nhân tài*, anh hùng, liệt sỹ), và (c) những đức tính qua việc tu thân, tích đức mà có (*Thánh nhân*, *Đạo nhân*, *Quan âm*). Trong giai đoạn c, thánh nhân là những người luyện được những đức tính “hợp với lòng người, thuận với ý Trời (Nho giáo), và thuận kỳ tự nhiên (Đạo giáo), cũng như mãn nghiệp (Phật giáo). Nói tóm lại, *con người toàn diện tức con người có đủ điều kiện làm người*, tức con người tam tài, tức thánh nhân với những đặc tính của Trời (Thiên), đất (Địa) và chính con người (Nhân). Như chúng tôi đã giải thích trong chú thích 57, không phải vô cớ mà cụ Nguyễn chọn *Đoạn Trường* của Thanh Tâm *Tài Nhân*. Chính vì thế mà chúng tôi hiểu *tam tài* như *đa tài*, hay *toàn tài* và giải thích theo truyền thống triết học Âu châu qua 3 khía cạnh: homo sapiens (trí), homo ludens (nghệ, cảm) và homo faber (sáng tạo). Chú ý là chúng tôi hiểu “ba” theo nghĩa của Việt ngữ, và của biện chứng, tức rất nhiều. Quan trọng hơn, chúng tôi hiểu *tam tài* theo *nguyên lý của Việt triết*. Tam tài chỉ toàn thể tính của vũ trụ nhân sinh bao gồm Trời (Thiên), Đất (Địa) và Người (Nhân). Do đó thiên tài (tài nhân) tự nó chưa đủ. *Một con người toàn vẹn phải là một nhân tài và tài nhân hợp lại đó là chính thánh nhân*. Nếu hiểu theo mạch văn như vậy, chúng ta có thể đưa ra một *giả thuyết* là cụ Nguyễn hiểu chữ tâm theo hai nguồn của ngữ cấu và ngữ ý: (1) Theo ngữ cấu, tâm được kết hợp từ ba trọng điểm theo hàng thẳng tức thượng điểm, trung điểm và hạ điểm, với một vòng dây nối kết 3 điểm (tương tự như vòng dây nối kết hai cực âm và dương trong thái cực). Thiếu bất cứ một khía cạnh nào, chữ tâm sẽ mất ý nghĩa, biến dạng, thiếu nghĩa. Chú ý là lối giải thích này khác với lối giải thích theo kết cấu tượng hình, viết tâm theo hình trái tim. (2) Theo ngữ ý, tâm nói lên cái chi quan trọng nhất, căn bản nhất, và nhất là toàn thể tính. *Trung tâm* do đó có nghĩa như điểm nằm giữa (cái toàn thể). Song tâm cũng là *sinh hoạt*, hay hoạt động nối kết. Tâm do đó cũng chỉ con tim đang hoạt động (yêu, ghét, hận, thù, vãn vãn). Tâm cũng nói lên sinh hoạt tri thức (tâm tư, tâm niệm). Tâm cũng biểu tả một *trạng thái* (lương tâm, thiện tâm, ác tâm). Và tâm càng nói lên

Trong bản văn này, chúng tôi khai thác quan niệm về định mệnh của Nguyễn Du, mục đích không phải chỉ để hiểu tư tưởng của cụ, mà để tìm hiểu lối suy tư tổng hợp của người Việt. Lối suy tư tổng hợp này, hay lối suy tư siêu việt biện chứng<sup>70</sup> này rất rõ ràng trong tư tưởng Nguyễn Du qua ba giai đoạn:

a) Giai đoạn thứ nhất chấp nhận thiên mệnh như nguồn gốc cũng như lịch sử tính của con người. Đây là thời kỳ mà Nguyễn Du còn bị ảnh hưởng của Tống nho cũng như ảnh hưởng của Phật giáo.

b) Giai đoạn thứ hai, cụ Nguyễn phát hiện thiên mệnh như là một định mệnh. Đây là một giai đoạn chuyển hoá từ Tống nho tới Minh nho, từ ngoại tại trở lại nội tại. Giai

hoạt động tự thức. Sau cùng tâm biểu tả *cảm tính*. Theo tất cả các nghĩa trên, tâm là một *sinh hoạt*, một *trạng thái* và một *động lực nối kết* ngoại tại với nội thể, liên kết giữa con người, và cấu kết mọi khía cạnh của con người để tạo thành toàn thể tính. Hiểu như vậy, chúng tôi cho rằng chữ tâm của cụ Tố Như không chỉ có nghĩa là tim, và chữ tài không chỉ có nghĩa là tài ba. Bởi vì hiểu như vậy, *tâm mới chỉ biểu tả được một phần của con người toàn diện*. Tâm nói lên động lực, tức cái đạo làm người, tức tâm đạo (thiện tâm ở tại lòng ta). Tâm là động lực nối kết với thần linh (tâm lãnh thần hội), với đất (tâm địa quang minh), với con người (tâm tâm tương an). Xin tham khảo thêm: Vũ Đình Trác, *Triết Lý Nhân Bản Nguyễn Du*, sđd., tr. 320-388.

<sup>70</sup> Về siêu việt biện chứng, chúng tôi đã bàn tới trong các luận văn sau: Trần Văn Đoàn, "Synthesis and Ho," trong *Asian Culture Quarterly*, vol. XXXIII, No. 1 (1985), tr. 1-20; Trần Văn Đoàn, *The Idea of a Viet-Philosophy* (Washington D. C.: CRVP, 2000), cũng như chương 4 trong *Việt Triết Luận Tập I*.

đoạn này Nguyễn Du tiên sinh chịu ảnh hưởng của “nội thánh ngoại vương,”<sup>71</sup> một tư tưởng của nhóm tân nho, muốn biến thiên đạo thành cái lý tự nhiên của trời và đất.

c) Giai đoạn thứ ba, tức là giai đoạn cụ tự ý thức được định mệnh như là nhân mệnh, tức khám phá ra chính lịch sử tính của mình. Sự khám phá ra con người tam tài, tức con người toàn diện, tức con người như là một trụ điểm giữa trời và đất và giữa con người với nhau. Giai đoạn này đánh đầu bằng sự phát hiện chữ tâm như là động tính của lịch sử. Những giai đoạn phát triển của tư tưởng nhân bản, hay nói đúng hơn, của sự quy nguyên từ Tống nho qua Minh nho trở lại Việt nho, được chúng tôi tạm gọi là siêu-việt biện-chứng.

---

<sup>71</sup> Tư tưởng của Vương Dương Minh. Họ Vương phát triển quan niệm này từ *Đại Học* (từ tu thân tới bình thiên hạ).

## 2. MỆNH, ĐỊNH MỆNH VÀ SỬ MỆNH

Sau khi đã lược qua những luận đề chính trong *Truyện Kiều*, trong đoạn này, chúng tôi khai quật tiến trình biến đổi tư tưởng của cụ Nguyễn, một tiến trình mà chúng tôi nhận định như là một cá biệt của tư tưởng Việt. Cái tiến trình này mang đặc tính của siêu việt biện chứng, bắt đầu với quan niệm mệnh trong Phật giáo và Nho giáo trong thời Tống, thông qua lối nhìn về mệnh của Nho giáo vào thời Minh và tổng hợp trong lối tư duy của Việt triết về định mệnh.

### 2.1. Mệnh trong quá trình lịch sử

Trong *Truyện Kiều*, chữ mệnh giữ một chức vụ then chốt. Tuy không được lập đi lập lại nhiều lần, và thường được dùng chung với chữ định mệnh, chúng ta vẫn thấy chữ mệnh ẩn hiện trong mỗi chương của *Truyện Kiều*. Nói một cách khác, chữ mệnh có thể nói là trọng tâm của *Truyện Kiều*, bởi vì tất cả cốt truyện, luận lý của câu truyện và ngay cả những diễn tả của các tiểu tiết, vẫn quy về luận đề chính, đó là định mệnh.

Tiến trình biến đổi của Nguyễn Du bắt đầu với một quan niệm về mệnh hoàn toàn rút ra từ Nho giáo đời Tống. Nói đúng hơn, Nguyễn tiên sinh bắt đầu với quan niệm về mệnh thấy trong Tống nho, tức thời đại mà một tổng hợp đầu tiên giữa Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo bắt đầu thành hình. Tuy nói là tổng hợp, nhưng trên thực tế, vì bị

ảnh hưởng của chính trị, tư tưởng về mệnh của Phật giáo vẫn chiếm một địa vị ưu tiên.

### **2.1.1. Mệnh trước Tống Nho**

Thuyết lý về mệnh phát xuất từ một nền triết học về sự tương quan giữa con người và trời đất. Trước thời Tống, nhất là theo thuyết của Mạnh Tử, con người là một trong tứ đại, coi con người ngang hàng với trời và đất. Theo Mạnh Tử, chính con người, nhờ vào tu tâm mà đạt tới trí thức phân biệt thiện ác; nhờ biết thương người, hiếu phải trái, biết tự nhượng mà nhận ra nhân, lễ, nghĩa, trí. Chỉ khi nào hiểu được nhân đạo, thì lúc đó con người mới xác định được chính cái mệnh của mình.<sup>72</sup> Tuy có những đoạn ông nói đến mạng theo nghĩa “định mệnh” (mặc chi tri nhi chi giả, mạng dã, tức việc vì không muốn mà tội tức là mạng vậy), song nói cách chung, Mạnh Tử vẫn cho rằng “mạng không phải là mặc cho việc nó xảy ra sao thì xảy.”<sup>73</sup> Tương tự lý thuyết của Đạo Lão cũng nhận định con người như “vực trung hữu tứ đại, nhi vương cư kỳ nhất yên. Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự

---

<sup>72</sup> Mạnh Tử: “Thiên tử mà bất nhân thì mất cả bốn bể; chư hầu mà bất nhân thì mất cả xã tắc, thứ nhân mà bất nhân thì mất cả tay chân.” Trích theo Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, *Đại Cương Triết Học Trung Quốc*, tập 2, sđd., tr. 322-323.

<sup>73</sup> Như trên, sđd., tr. 40.

nhiên.”<sup>74</sup> Hiểu như vậy, chữ mệnh trong Khổng giáo trước thời Tống chỉ biểu tả cái đạo lý của con người, làm cho con người thành người. Khi đức Khổng Tử xác định về “thiên mệnh” sau “nhi lập,” và “nhi bất hoặc,” ngài muốn nói lên rằng cái mệnh không phải tự trên hay từ ngoài, song từ “tự lập,” “nhi bất hoặc,” tức “chí ư học.”<sup>75</sup> Mà chí ư học tức là tu tâm vậy.<sup>76</sup> Rõ rệt nhất là Mặc Tử. Họ Mặc chủ trương phi mệnh và đả đảo thuyết định mệnh. Ông nhận định, họa phúc của con người là kết quả của chính hành vi, chứ không do số mệnh: “Lấy đó mà xét thì sự yên nguy, trí loạn, chỉ quan hệ ở việc làm chính sự của các người trên đó thôi, sao lại gọi là có định mạng được?”<sup>77</sup>

### ***2.1.2. Mệnh thời Tống Nho và sau thời Tống Nho***

Sau Mặc Tử, chữ mệnh được hiểu theo một nghĩa khác biệt hơn. Tuân Tử giải thích mệnh theo “thiên mệnh” (tri mạng giả, bất oán thiên), mà thiên mệnh là điều mà con

---

<sup>74</sup> Lão Tử, *Đạo Đức Kinh*, XXV. Bản dịch của Hạo Nhiên Nghiêm Toàn Thiệu Văn Thị (Sài Gòn: Đại Nam, 1973).

<sup>75</sup> Ngô thập hữu ngũ nhi chí ư học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập tri thiên mệnh. (*Luận Ngữ*)

<sup>76</sup> Thực ra Khổng Tử không bàn nhiều về quan niệm mệnh. Một vài câu đại biểu như “bất tri mạng vô dĩ vi quân tử,” hay “quân tử hữu tâm úy: úy thiên mạng, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn,” hay “tri kỷ bất khả nhị vị chi,” hay “đạo chi tương hành dã chu? mệnh dã: đạo chi tương phê dã chu? mệnh dã,” và “thượng bất oán thiên, hạ bất vu nhân, cư di sĩ mệnh.”

<sup>77</sup> Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, tập 2, tr. 42.

người không thể biết (tiết ngộ chi vị mạng), không thể hiểu. Song Tuân Tử tuy giải thích mệnh theo nghĩa như vậy, ông vẫn còn giằng co giống như cụ Nguyễn Du qua lời an ủi: “Đôi khi nhân định thắng thiên cũng nhiều.” Thế nên Tuân Tử theo thuyết bất cần, không cần lưu tâm tới thiên mệnh.<sup>78</sup>

Dù sao đi nữa, Tuân Tử đã mở cánh cửa cho những lối hiểu mới, càng ngày càng xa cách ý nghĩa nguyên thủy của chữ mệnh. Thế nên, đến đời Hán, Vương Sung giải thích mệnh theo nghĩa của định mệnh, mà định mệnh này được định sẵn bởi Trời, vượt khỏi sức lực của con người: “Người chí tôn,” ở chỗ vinh hiển vị tất là hiền, là nhờ gặp (mạng tốt) vậy; người thấp, chức nhỏ, vị tất là ngu, do không gặp (mạng tốt) vậy.<sup>79</sup> Cho đến đời Tống, Trương Hoàn Cừ càng đi xa hơn, phân biệt mạng và ngộ. Mạng hay tùy mạng giải thích cái lẽ tự nhiên thí dụ thiện giả thiện báo, trong khi ngộ hay tạo mạng giải thích sự bất ngộ, tức thiện giả ác báo tức làm điều lành mà gặp dữ. Đi xa hơn là Chu Hi, một danh sĩ đời Tống. Ông cho rằng, sống chết, thọ yếu, phú quý, bần tiện, vân vân, đều do tiền định.

Sau Tống, ta thấy một phong trào hồi cổ trở lại quan niệm mệnh như là lý lẽ tự nhiên của trời đất. Tuy thế, một số nho gia đời Minh như Vương Tâm Trai quả quyết khác rằng, con người có thể tạo ra mạng cho chính mình. Đây là trường hợp của những bậc thánh nhân. Chỉ những người

<sup>78</sup> Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, như trên, tr. 43.

<sup>79</sup> Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, tr. 45.

tâm thường mới bị vận mạng chi phối mà thôi. Vương Thuần Sơn đời Thanh cũng chủ trương tương tự. Ông cho rằng, những bậc anh tuấn có thể tạo mạng cho thiên hạ, tuy không cải được chính mạng của mình. Thí dụ như Khổng Tử, người đã tạo mạng cho thiên hạ, nhưng vẫn không gặp thời.<sup>80</sup>

## ***2.2. Khi Mệnh biến thành Định mệnh***

Nếu chúng ta theo dõi tiến trình của cụ Nguyễn, chúng ta thấy chữ mệnh trong *Truyện Kiều* cũng biến đổi theo một quá trình tương tự. Song khác với những nhà nho đời Tống và Minh, cụ Nguyễn nhìn thấy tính chất biến chung của chữ mệnh: từ mệnh tới thiên mệnh, từ thiên mệnh tới định mệnh, và trở lại nhân mệnh như là chính định mệnh con người.

Trước hết, Tố Như tiên sinh trình bày chữ mệnh như thấy vào thời Tống. Giống như một thiên bi hài kịch, *Truyện Kiều* mở đầu với luận đề:

“Trăm năm trăm cõi người ta,

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau.”<sup>81</sup>

Thoạt nhìn, chúng ta có cảm tưởng Nguyễn Du muốn đưa ra một sự mâu thuẫn, tức cái phi lý và bi đát của định mệnh mà ta không thể giải quyết giống như từng thấy trong

---

<sup>80</sup> Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, tr. 48-52.

<sup>81</sup> TK, 1-2.

tích truyện Oedipus hay trong huyền thoại Sisyphus. Thực vậy, Tố Như tiên sinh than thở:

“Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.”<sup>82</sup>

Thế nhưng, một luận đề như thế không những quá đơn sơ mà còn phi lý. Một người thông minh xuất chúng như cụ Nguyễn hiểu rất rõ là một luận đề như thế sẽ đưa đến một kết luận hoang đường: Nếu người tài luôn gặp bất hạnh, vậy thì ngược lại, người vô tài sẽ luôn hạnh phúc hay sao?

Luận đề cụ Nguyễn đưa ra không có ngớ ngẩn như thế, bởi vì cụ rất rõ:

“Có tài mà cậy chi tài,

Chữ tài liền với chữ tai một vần.”<sup>83</sup>

Nơi đây, Tố Như tiên sinh muốn nói là, chỉ những người cậy tài, cho rằng tài là bản thể của con người, mà quên đi chính hữu thể (Seinsvergessenheit), những người này mới gặp tai nạn; mà tai nạn đây chính là sự mất bản tính của con người, như Tam Hợp sư cô từng nhận định:

“Sư rằng: Phúc họa đạo trời,

Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.

Có trời mà cũng tại ta,

Tu là cỗi phúc, tình là dây oan.”<sup>84</sup>

Luận đề của cụ về chính định mệnh như là một lịch sử hiện sinh, nói theo Heidegger, chỉ nhờ vào hành động quy nguyên trở lại chính cội nguồn của định mệnh, tức của hữu

<sup>82</sup> TK, 4.

<sup>83</sup> TK, 3247-3248.

<sup>84</sup> TK, 2655-2658.

thể, con người mới là chính lịch sử của mình.<sup>85</sup> Tương tự, khi nàng Kiều khám phá ra định mệnh, và không trốn tránh định mệnh như lúc bắt đầu nữa, đó cũng chính là lúc Kiều chấp nhận định mệnh như chính lịch sử của mình. Chính lúc đó Kiều phát giác ra là:

“Ngẫm hay muôn sự tại trời,  
Trời kia đã bắt làm người có thân.  
Bắt phong trần phải phong trần,  
Cho thanh cao mới được phần thanh cao.”<sup>86</sup>

Cái định mệnh, cái “ông trời” mà Kiều hiểu không phải là “thiên mệnh,” cũng không phải là cái “tao mệnh,” nhưng chỉ là chính hữu thể đương xuất hiện như một hiện thể trong hiện sinh con người:

“Trăm năm trong cõi người ta,”<sup>87</sup>

đó tức là một hiện sinh của con người giữa trời và đất (đầu đội trời chân đạp đất), và cộng tồn nơi chính con người.

Hiểu như thế, những luận điểm mà Nguyễn Du đưa ra trong phần đầu của *Truyện Kiều* có lẽ không phải là chính luận đề mà Nguyễn Du muốn đưa ra. Nếu cụ Tố Như tin

<sup>85</sup> Martin Heidegger, *Sein und Zeit*, sđd. Đoạn phân biệt *Geschick* và *Geschichte*, tr. 384: “Mệnh của chúng ta đã được xác định trước, ở ngay trong chính Hữu thể (tương quan) với tha nhân trong cùng một thế giới, và trong chính xác quyết tính về khả thể tất định. Chỉ qua hành động cộng thông và phấn đấu mà chúng ta mới có thể thoát khỏi cái ách (Macht, quyền lực) của cái mệnh.” (Bản dịch của chúng tôi).

<sup>86</sup> TK, 3241-3244.

<sup>87</sup> TK, 1.

“Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau,”<sup>88</sup> thì cụ bắt buộc phải lập lại nhiều lần, bi thảm hơn, tha thiết hơn và tàn nhẫn hơn trong câu kết luận của *Truyện Kiều* mới đúng:

“Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.”<sup>89</sup>

Không như thế, và ngược lại, cụ cho là chính lòng thành tâm mới là nguyên lực, và là động lực của lịch sử, tức chính định mệnh con người.

Chính lòng thành tâm, tức định mệnh này là sự tổng hợp của lịch sử, của trời và đất. Như vậy chúng ta có thể nói, mệnh, cho rằng là thiên mệnh cũng chỉ là định mệnh. Như là một định mệnh, đó chính là lịch sử của con người, một lịch sử được con người quyết định, cũng như biến đổi:

“Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.”<sup>90</sup>

### ***2.3. Từ Tống Nho tới Việt Nho: Tính Chất Biện Chứng của Mệnh***

Nói như thế, sự biến đổi của mệnh, tự thiên mệnh tới định mệnh không phải là một biến đổi tự nhiên, song là một biến đổi do và tự chính hữu thể, một hữu thể tự hữu và đạo đức. Cái động lực làm hữu thể tự biến đổi, mà biến đổi một cách biện chứng được Nguyễn Du cho là “tâm.” Chữ tâm không phải “chỉ” bằng “ba” chữ tài; chữ tâm là tổng hợp của “ba chữ tài,” tức thiên, địa và nhân. Chữ tâm cũng biểu hiện ra con người trong toàn thể tính và quy nguyên

<sup>88</sup> TK, 2.

<sup>89</sup> TK, 4.

<sup>90</sup> TK, 3252.

tính của mình, bởi vì số ba tượng trưng toàn thể tính, và vũ trụ tính cũng như đa tính của con người.<sup>91</sup> Chính vì vậy mà chúng ta có thể quả quyết rằng, chữ tâm là động lực của biện chứng. Trong lời Đạm Tiên ngỏ với Kiều, cụ Nguyễn đã vạch ra tính chất biến đổi, hay biện chứng này:

“Rằng: Tôi đã có lòng chờ,  
 Mất công mười mấy năm thừa ở đây.  
 Chị sao phận mỏng đức dày,  
 Kiếp xưa đã vậy, lòng này để ai.  
 Tâm thành đã thấu đến trời:  
 Bán mình là hiếu, cứu người là nhân.  
 Một niềm vì nước vì dân,  
 Âm công cất một, đồng cân đã già.  
 Đoạn trường số rút tên ra,  
 Đoạn trường thì phải đưa mà trả nhau.”<sup>92</sup>

Nhận ra như vậy, chúng ta thấy cả một quá trình diễn biến có tính chất biện chứng trong tư tưởng của Nguyễn Du: từ tư tưởng Phật giáo lẫn lộn với Khổng giáo trong thời Tống nho, phát triển cho tới Minh nho. Song khác biệt với giới

---

<sup>91</sup> Xin tham khảo chú thích 30 và 61. Cũng xin tham khảo thêm: Kim Định, “The Role and the Conditions of Ju in Our Present Age.” Trần Văn Đoàn dịch từ Việt ngữ, in trong *The Bulletin of The Chinese Philosophical Association*, tập 3 (Đài Bắc, 1985), tr. 303-320. Luận văn này cũng được Thạc sỹ Tài Văn Hi dịch sang Hoa ngữ, và do Trần Văn Đoàn sửa và hiệu đính, in trong *Triết Học dữ Văn Hóa* (Đài Bắc, 11. 1985). Trong bài này Kim Định giải thích cơ cấu của Việt Nho bằng tượng số. Số 3 chỉ toàn thể và động lực.

<sup>92</sup> TK, 2713-2722.

nho gia của Trung Hoa, cụ Nguyễn không chấp nhận những quan niệm một cách thụ động, hoặc gạt bỏ những tư tưởng khác về mệnh, như từng thấy trong những cuộc tranh luận (thí dụ giữa Mạnh Tử và Tuân Tử về bản tính con người). Ngay từ đoạn đầu trong *Truyện Kiều*, với những quan niệm về mệnh hoàn toàn bị ảnh hưởng của Tống nho (dung hoà Phật, Đạo và Khổng), tới đoạn cuối với tư tưởng coi mệnh như luận lý (logic), hay nguyên lý (principle) tự nhiên thấy trong Minh nho (đặc biệt của Vương Dương Minh), chúng ta nhận thấy một sự biến đổi, song không đột ngột hay mâu thuẫn. Thực ra, không phải là biến đổi, song là một tổng hợp có tính cách biện chứng. Tính chất biện chứng này rõ rệt nhất trong câu kết luận: “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài” như chúng tôi đã từng giải thích trong những phần trên. Một giải đáp như vậy chỉ thấy rõ ràng trong Việt nho.

### 3. TẠM KẾT: SỬ MỆNH VÀ SỬ MỆNH

Trong phần tạm kết này, chúng tôi đi thêm một bước nữa giải thích đặc tính tổng hợp biện chứng (mà chúng tôi gọi là siêu việt biện chứng) qua hai quan niệm: sử mệnh và sứ mệnh.

#### 3.1. Sứ Mệnh

Một khi chúng ta chấp nhận định mệnh như chính là hữu thể tự thân; một khi cái định mệnh không phải từ ngoại tại, song chính từ hữu thể, tức hữu-thể-tại-thế (In-der-Welt-Sein), mà cái tại thế chỉ là một tổng hợp của các tương quan con người, thì định mệnh của con người đã được chính con người trong tương quan tính của mình quyết định. Hiểu như vậy, lịch sử con người chính là định mệnh.

Theo Heidegger, lịch sử (Geschichte) không chỉ là chuyện tích (story), cũng không chỉ là chuyện tích được ghi chép (history) tức lịch sử (theo nghĩa thường dụng). Nếu hiểu *Geschichte* như là một tích truyện, dù được truyền từ đời này qua đời khác, thì tích truyện đó cũng chỉ giống như những tích truyện khác, thí dụ truyện “Công Chúa Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn” chẳng hạn. Song lịch sử không chỉ là một tích truyện như thế, bởi vì lịch sử tức là chính sử mệnh. Chúng ta có thể nghe những tích truyện tương tự như câu truyện của công chúa Bạch Tuyết, chúng ta cũng có thể đọc những tiểu thuyết kiếm hiệp một cách say mê, song những câu truyện trên không có liên quan đến đời

sống chúng ta một chút nào hết. Ngược lại, lịch sử trực tiếp ảnh hưởng đến cuộc sống của con người, trí thức của chúng ta, và càng rõ rệt hơn cả, lịch sử xác định tương lai. Nói cách khác, lịch sử xác quyết định mệnh của chúng ta. Sự xác quyết định mệnh này được diễn đạt qua những sinh hoạt của con người, như sửa lỗi lầm, phát triển, tiến bộ và tiến tới toàn thể tính. Hegel đã nhận ra điểm này khi nhà triết gia người Phổ này xác định là tất cả lịch sử của con người đương tiến về cái toàn thể tuyệt đối, đó là tinh thần. Nói cách khác, tinh thần chính là là định mệnh của con người vậy. Tương tự, Teilhard de Chardin, một linh mục dòng Giê-su hữu, và một khoa học gia tên tuổi, cũng chủ trương là lịch sử của con người là lịch sử thăng tiến, tiến về điểm viên mãn (điểm Omega), tức chính Thượng Đế, qua một quá trình biện chứng của *biệt-tụ-thăng* (divergence-convergence-emergence).<sup>93</sup>

Sự kiện, lịch sử không chỉ nói lên quá khứ, mà còn vạch đường cho tương lai, nói lên sự quan hệ không thể tách biệt giữa sử và sử mệnh, hay định mệnh và sử mệnh. Chính vì vậy mà Heidegger cho rằng, chữ *Geschichte*, khác hẳn với chữ *historia*, bởi vì *Geschichte* phát xuất từ chính *Geschick*, đó chính là định mệnh (fatum) hay sự tổng hợp của sử mệnh với sứ mệnh tức  $\mu\omicron\pi\alpha$  của con người. Một điểm đáng chú ý là, cái mệnh này không phải là thiên mệnh, mà chính là nhân mệnh, được tạo bởi chính con người.

---

<sup>93</sup> Pierre Teilhard de Chardin, *Le milieu divin* (Paris, 1952), sđd.

Điểm mà chúng tôi muốn bàn tới nơi đây là, *Truyện Kiều* không giống những tích truyện khác, ở điểm (mà chính Nguyễn Du có lẽ chỉ ý thức mà chưa biểu tả ra được) là tích truyện không phải chỉ để “Mua vui cũng được một vài trống canh,” mà để phát hiện một tích truyện mới (tân thanh) về chính định mệnh. Dựa theo ngôn ngữ của Baruch de Spinoza, chúng ta cũng có thể nói, *Truyện Kiều* là một tích truyện đương hiển hiện, truyền cho chúng ta những tri thức về chính định mệnh (narratio narrans theo luận lý của natura naturans) của chúng ta. Thế nên, câu thơ kết luận của *Truyện Kiều*:

“Lời quê chấp nhật đông dài,

Mua vui cũng được một vài trống canh”<sup>94</sup>

muốn che đậy một lối nhìn về sử mệnh, một sử mệnh muốn vượt khỏi định mệnh của con người. Câu thơ này tuy không hoàn toàn phản nghịch tất cả quá trình phát triển của tâm mệnh, song ít nhất là đánh lạc hướng khiến chúng ta không dễ nhìn ra siêu việt tính của *Truyện Kiều*. Câu thơ không chỉ lạc lõng, mà còn có vẻ “ngớ ngẩn.” Cụ Nguyễn chắc chắn ý thức được điểm này. Thực ra, cụ chẳng ngớ ngẩn chút nào hết. Như Hegel, cụ Nguyễn muốn vượt tới một đích điểm của viên mãn, một điểm mà lịch sử tự hoàn thành sau cả một lịch trình gian chuân: “Duyên xưa đầy đặn, phúc sau dồi dào.” Song cũng như Hegel - mà trong phần kết luận của *Luận Lý Tinh Thần qua Hiện Tượng*

---

<sup>94</sup> TK, 3253-3254.

(Phänomenologie des Geistes),<sup>95</sup> nhà triết gia Phổ này đã cố ý dấu giếm quan niệm của mình về chính trị và tôn giáo trong những khái niệm trừu tượng và khó hiểu, Nguyễn Du đã phải dấu giếm nền triết lý siêu việt tính sau bức màn nhung của hí nhân. Làm sao mà một con én có thể tạo lên mùa xuân; làm sao mà họ Nguyễn có thể đi ngược dòng với những nhà nho tiêm nhiễm cái nhìn huyền bí của Tống nho, cái nhìn duy lý của Minh nho và cái sử mệnh “văn dĩ tải đạo” của Thanh nho vào thời cũ?

### 3.2. *Sứ Mệnh*

Một khi định mệnh được coi như sử mệnh, thì cái thân phận con người không chấm dứt với một cái nghiệp, hiện nghiệp hay tiền nghiệp. Thân phận con người, như tinh thần tuyệt đối của Hegel đương tiến về tương lai, một tương lai luôn khai mở. Nói một cách khác, hữu thể tự khai mở hướng về một tương lai, mà tương lai “chỉ được xác định” bởi tính chất tự hữu và uyên nguyên, chứ không phải bởi một sự vật, một thế giới hay một quan niệm cố định và tuyệt đối (thí dụ như thiên đường, thiên đường vô sản hay thế giới tinh thần).

---

<sup>95</sup> Lỗi dịch thông thường *Hiện Tượng Học về Tinh Thần* xem ra không lột được ý nghĩa của tập sách kinh điển này. Đúng ra phải là *Đạo của Tinh Thần qua Hiện Tượng*. Chúng tôi dịch sang Việt ngữ *Luận Lý Tinh Thần qua Hiện Tượng*. Xin tham khảo bản dịch và chú giải của chúng tôi, dự trừ xuất bản vào năm 2001-2002, do nhà Xuất Bản Đại Học Việt Nam.

Hiểu như vậy, lịch sử con người phải luôn hướng về tương lai. Tương lai chính là một động lực hoàn thành và hướng dẫn định mệnh trong quá trình lịch sử. Những gì sẽ xảy ra (trong tương lai) không phải đã được tiền định bởi một động lực ngoại tại, song đó chính hữu thể tự thân đương hoàn thành trong quá trình. Nói một cách dễ hiểu hơn, sự thành công của chúng ta trong tương lai được xây dựng trên sự cố gắng, nỗ lực của chúng ta ở thời hiện tại.

Trong mạch văn này, chúng ta có thể quả quyết rằng, tương lai không phải là thiên mệnh, song là định mệnh phát sinh từ tất cả quá trình lịch sử của con người. Tương lai cũng không phải là cùng đích của lịch sử con người, song là kết quả của hiện tại. Chính vì vậy, định mệnh không có tính chất “quyết định” (determination), cũng không phản lại tự do tính của chúng ta, càng không phải là một ngoại tại. Định mệnh và chữ “tâm” gặp nhau ở điểm viên mãn của hữu thể, tức điểm *Omega* của cảnh vực thần linh, mà Teilhard de Chardin từng nói đến trong trong biện chứng thần linh của ông.<sup>96</sup> Tương tự, sự đối nghịch giữa thiên mệnh và nhân mệnh cũng có thể được giải quyết trong quy nguyên tính, một quy nguyên tính từng được diễn tả bằng quan niệm thiên nhân hợp nhất. Theo đó, định mệnh và thiên mệnh chỉ là một biểu hiện của lịch sử con người trong thiên nhiên. Nói như Trương Tử, và nhất là Thiệu Ung, con người và thiên nhiên không có chi khác biệt (Hoàng Cực

---

<sup>96</sup> Pierre Teilhard de Chardin, *Le milieu divin*, sdd. Cũng thấy trong *Le Phénomène humain* (1912).

Kinh Thế). Nếu có chi khác biệt, đó chỉ là những biểu hiện khác nhau mà thôi. Vậy thì, động lực nào có thể nối trời và đất, định mệnh và thiên mệnh. Như chúng tôi đã từng bàn tới, đó chính là tính chất siêu việt biện chứng, rõ rệt trong triết thuyết Tam tài, trong sự đồng tính giữa tâm và tài. Nói cách khác, siêu việt tính chính là luận lý (logic) của sinh hoạt quy nguyên thấy trong lịch sử của con người. Cụ Nguyễn đã nhìn ra điểm này trong giai đoạn cuối cùng của *Truyện Kiều*, khi cụ tìm cách siêu việt sự đối nghịch giữa tài và mệnh. Nói cách khác, giống như Nicolas Cusanus, nhà triết gia thời danh thời trung cổ đã từng phát triển luận lý về sự đồng nhất của những đối lập (coincidentia oppositorum), Nguyễn Du đã mượn tượng ra cái luận lý của định mệnh, đó chính là siêu việt biện chứng. Siêu việt biện chứng chính là cái luận lý của tất cả quá trình lịch sử của Thúy Kiều vậy.

Theo luận lý này, chúng ta có thể hiểu tại sao Tố Như tiên sinh tự cho mình một *sứ mệnh* (mission) *xác định sứ mệnh*. Văn dĩ tải đạo không phải chỉ là một câu nói miệng lưỡi nơi Nguyễn Du. Văn dĩ tải đạo cũng không phải là coi văn như là một công cụ để rao giảng một nền đạo đức, hay một nền ý thức hệ - một điều mà Trần Trọng Kim từng quả quyết, khi ông cho rằng mục đích của *Truyện Kiều* là để “truyền rộng một cái lý thuyết triết học” (tức Phật giáo).<sup>97</sup> Thực ra, Nguyễn Du coi văn dĩ tải đạo như là một phương tiện hoàn tất sứ mệnh, *cái sứ mệnh tổng hợp thiên mệnh*

---

<sup>97</sup> Trần Trọng Kim, trong *Thúy Kiều*, tr. 42.

với nhân mệnh trong một chữ mệnh. Mà phương thế tổng hợp này là chính sự tu tâm; mà tu tâm tức là trở lại nguyên tính của con người chân thật (humanitas). Nói cách khác, văn dĩ tải đạo là một sứ mệnh đi hoàn thành sứ mệnh mà Nguyễn Du muốn áp dụng để đánh thức con người tha hóa, giúp họ trở lại nguyên tính và toàn thể tính của chính mình, tức thành thánh nhân,<sup>98</sup> tức một con người toàn diện<sup>99</sup> tức con người nhân bản vậy. Chính vì ý thức được một sứ mệnh siêu việt như vậy mà cụ Tiên Điền mới giám cả gan tiên đoán về mình:

“Bất tri tam bách dư niên hậu

Thiên hạ hà nhân khấp Tố Như.”<sup>100</sup>

*Kiều Ngân Học Viện, Frankfurt, 11.1996.*

Hoàn tất, *Đại Học Khoa Học Xã Hội Nhân Văn, Sài Gòn,*  
04. 2000.

---

<sup>98</sup> Trong bài “Đế Nghiêu miếu” (*Bắc Hành Tạp Lục*, bài số 98), Nguyễn Du viết:

“Nhất trung tâm pháp khai quần đế  
Thiên cổ sùng từ đối Cửu Nghi  
Tầng hương Hứa Đô nhường thiên hạ,  
Thánh nhân danh thực hữu thù tri.”

Trích từ Vũ Đình Trác, *Triết Lý Nhân Bản Nguyễn Du*, sđd., tr. 467.

<sup>99</sup> Vũ Đình Trác trong phần kết luận luận án Tiến sỹ *Triết Lý Nhân Bản Nguyễn Du*, sđd., tr. 470, cảm khái: “Hình ảnh ông (Nguyễn Du) hiện lên ở đây như một Đạo sĩ với một quan niệm và triết lý về con người quân bình và toàn diện.”

<sup>100</sup> Nguyễn Du, *Thanh Hiên Thi Tập*, bài 78: “Độc Tiểu Thanh ký.” Vũ Đình Trác, tr. 469.